

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 03 – 03 – 2021  
*V/v tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị U**, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn Đ**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Thị U trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện sống chung từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/5/2007. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay do thường xuyên mâu thuẫn, sống chung không hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một người con chung là Đoàn Thị Kim Y, sinh ngày 03/5/2001. Do cháu Y đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi sống mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Đoàn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội Đ xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị U được ly hôn với anh Đ.

+ Về con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị U phải chịu 300.000 Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội Đ xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội Đ xét xử giải quyết vắng mặt chị U và anh Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị U và anh Đ tự nguyện sống chung từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị U và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị U và anh Đ đã ly thân từ năm 2013 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị U và anh Đ không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không đến, như vậy anh Đ đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị U và anh Đ đã lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội Đ xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U, cho chị U ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị U thì chị U và anh Đ có một người con chung là Đoàn Thị Kim Y, sinh ngày 03/5/2001. Do cháu Y đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội Đ xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội Đ xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội Đ xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Đ không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị U ly hôn anh Đoàn Văn Đ.

2. Về con chung: Do cháu Đoàn Thị Kim Y, sinh ngày 03/5/2001 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội Đ xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội Đ xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị U đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009740 ngày 25/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Đoàn Văn Đ không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Ly**